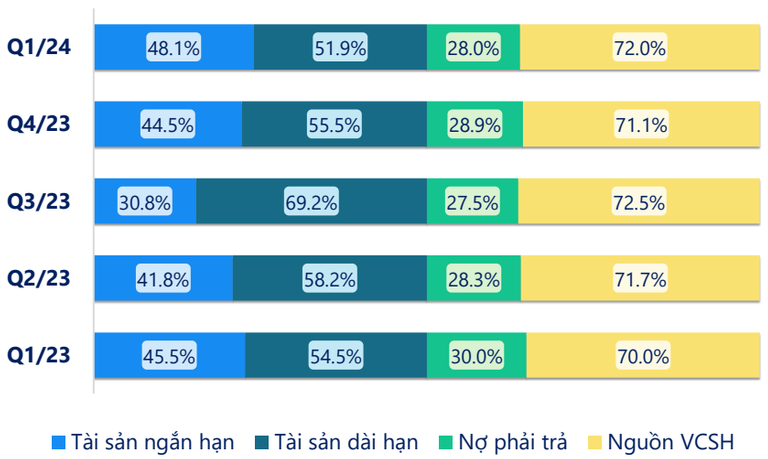
FireAnt

CTCP Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa (HSX: AAT)

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	5,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,586
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,486
SL cổ phiếu LH	70,819,103
KLGD BQ 20 phiên (CP)	140,970
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	372
P/E	24.2
EPS	217

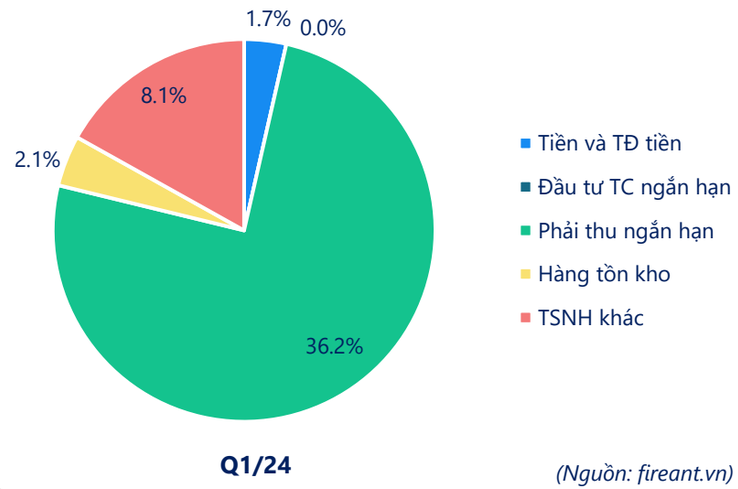
	YTD	1T	3T	6T
AAT	5.0%	-2.2%	8.0%	1.0%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%

Cơ cấu Tổng tài sản



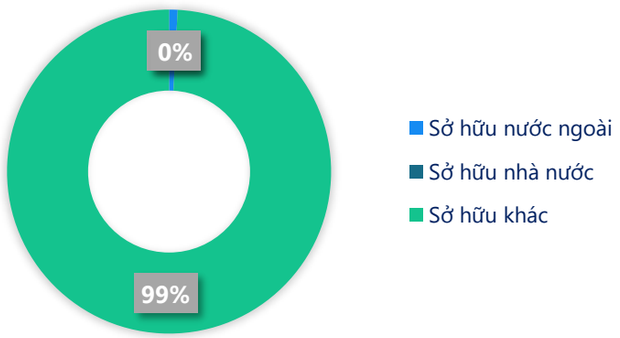
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



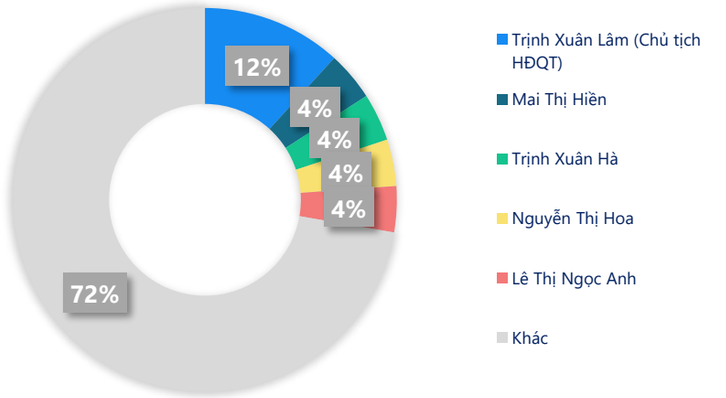
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



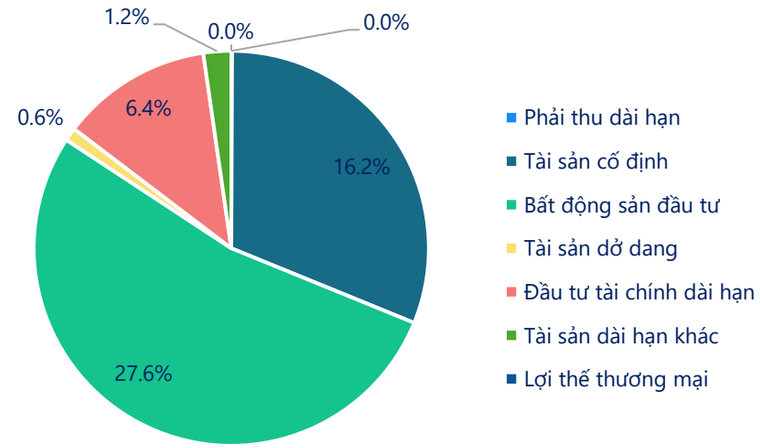
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

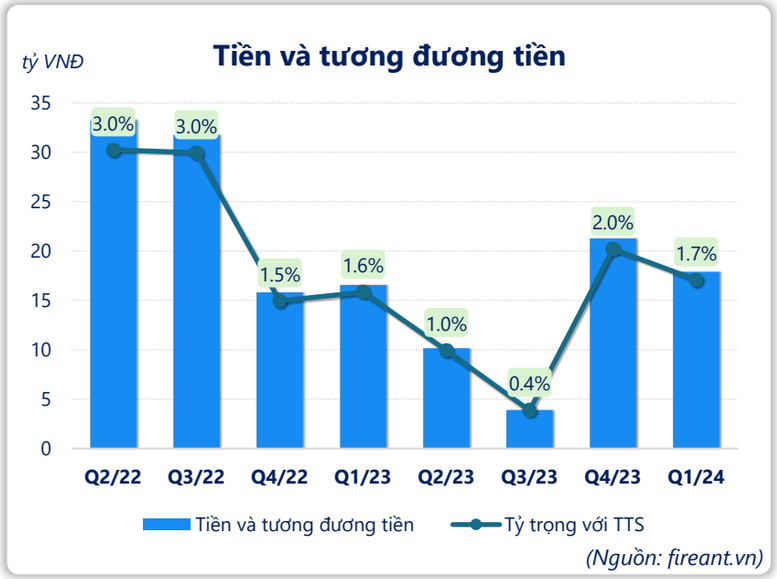
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



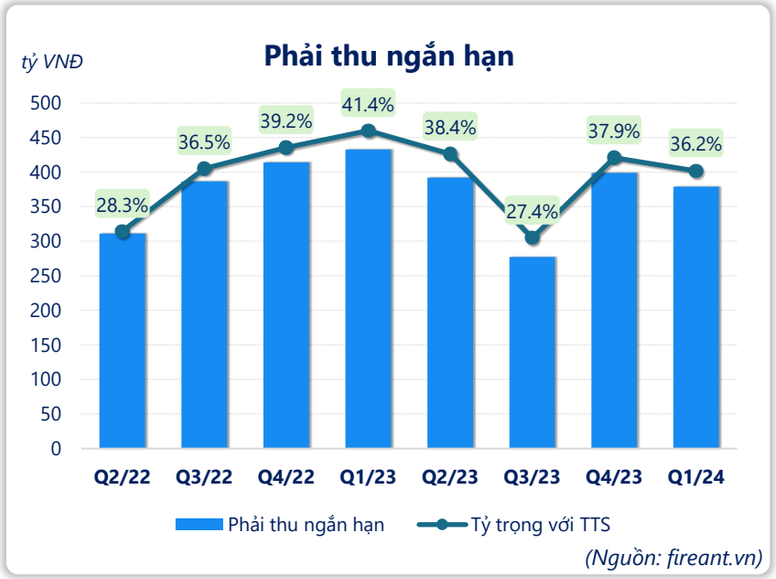
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

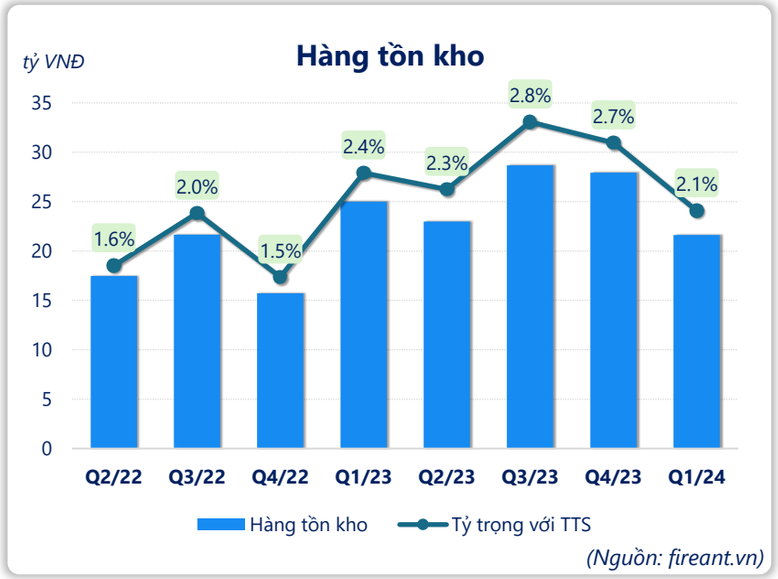
CTCP Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa (HSX: AAT)



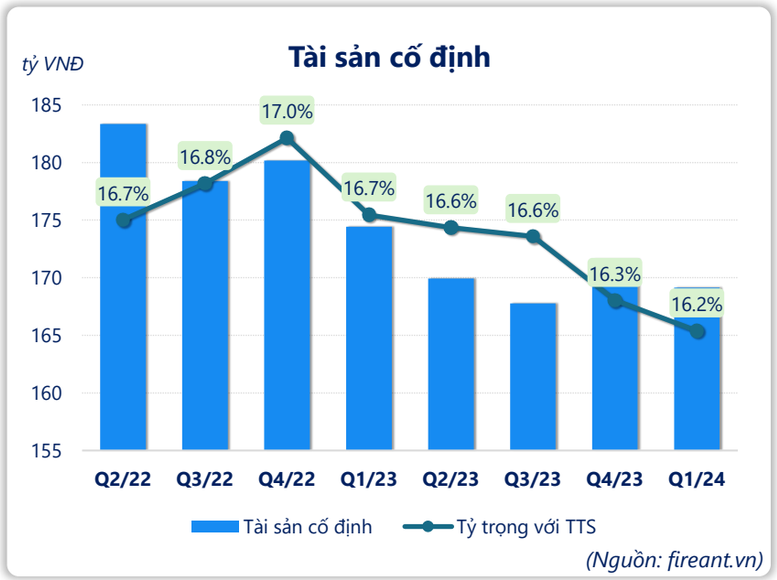
(Nguồn: fireant.vn)



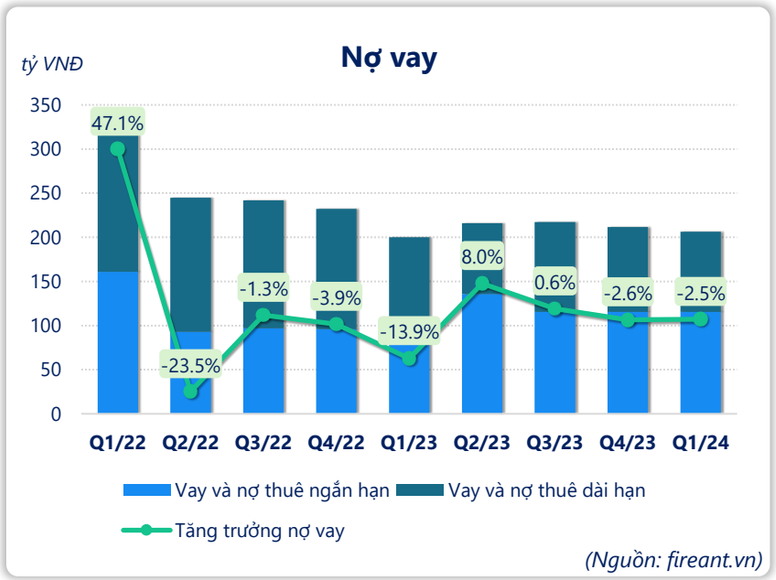
(Nguồn: fireant.vn)



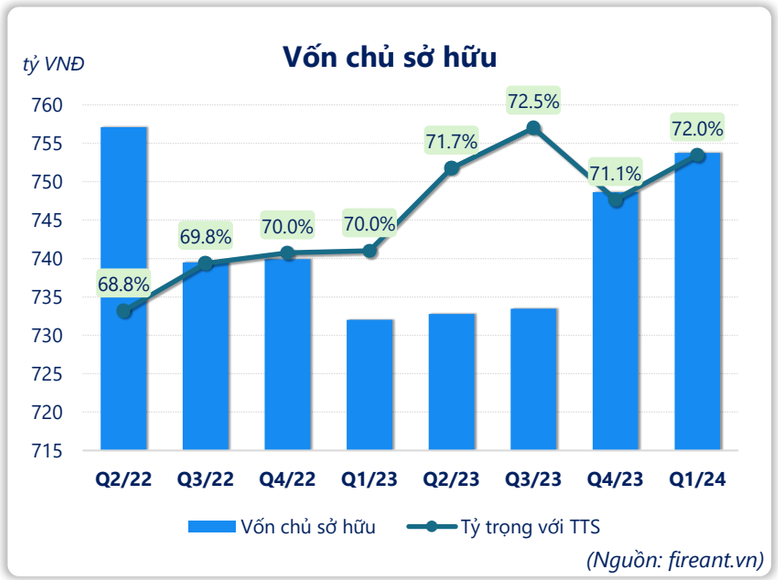
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

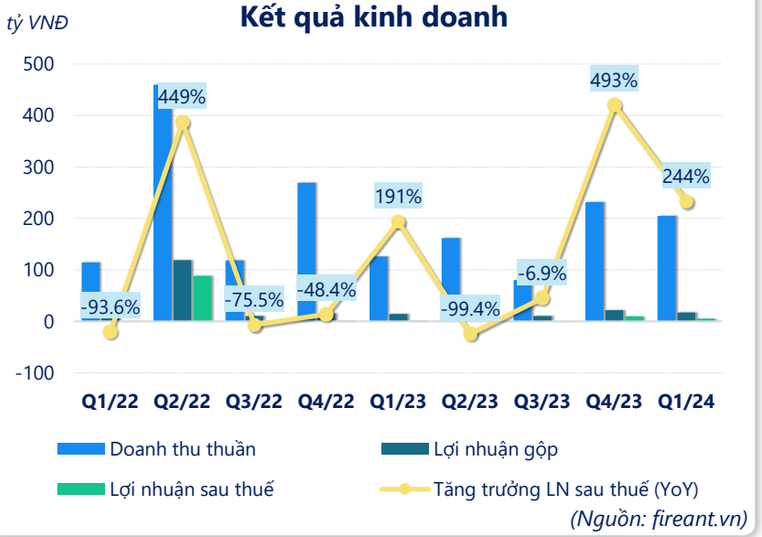


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

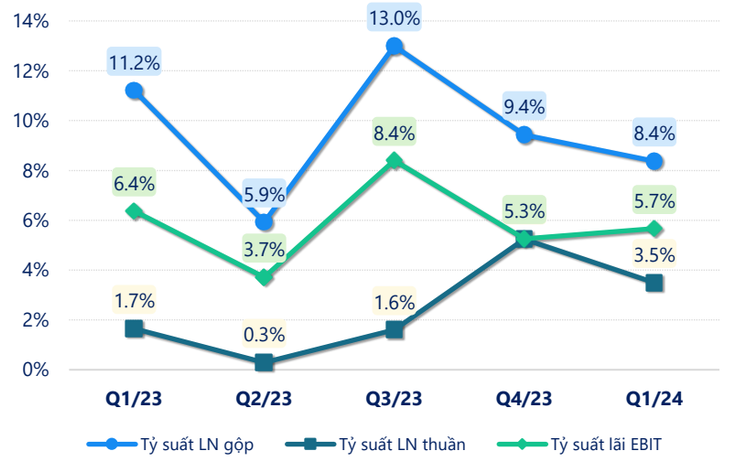
CTCP Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa (HSX: AAT)

Kết quả kinh doanh



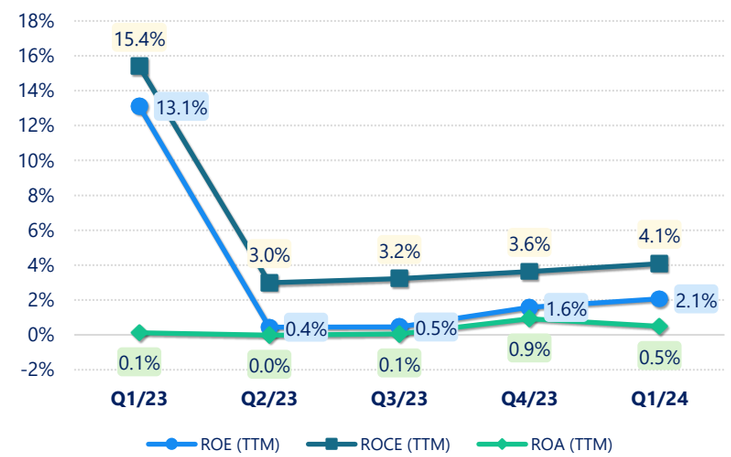
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



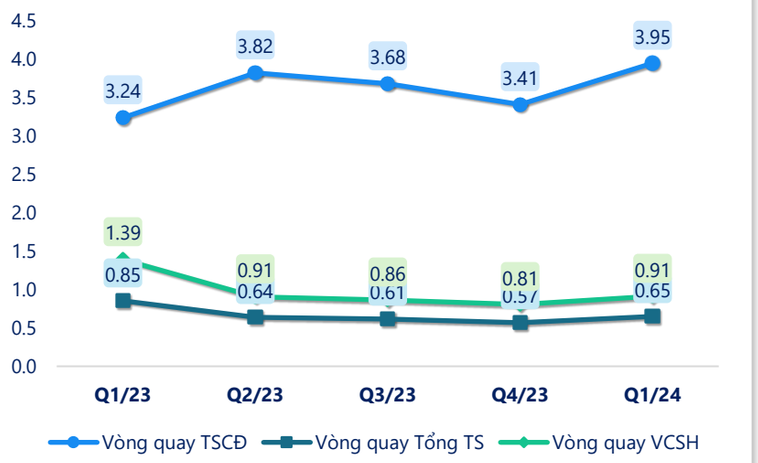
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



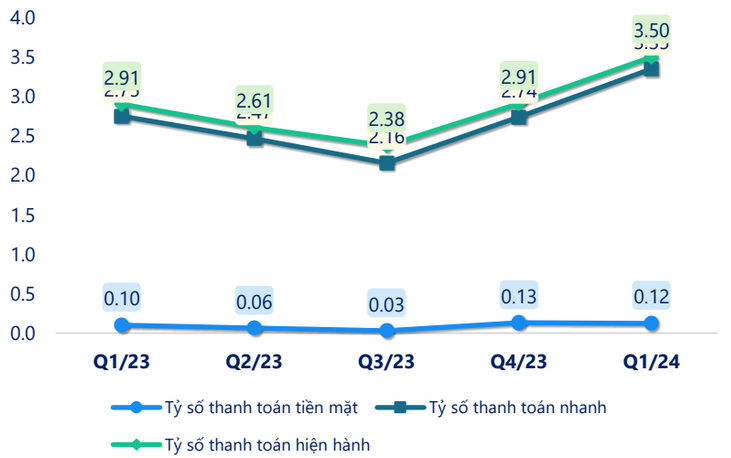
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



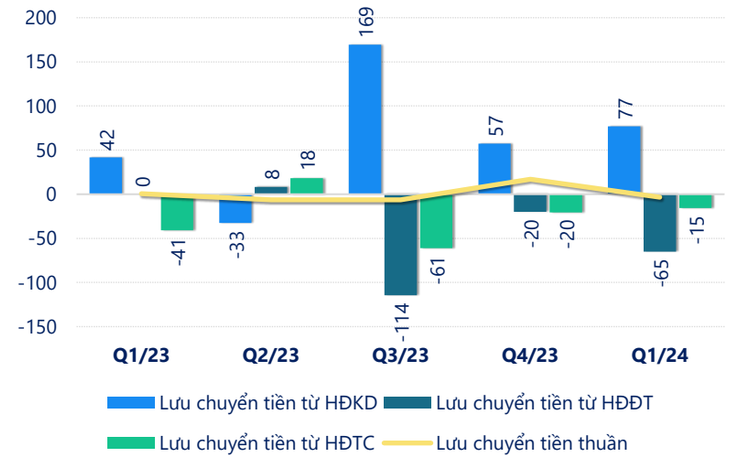
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa (HSX: AAT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,047**	**1,053**	**-0.6%**
Tài sản ngắn hạn	503	469	7.3%
Tiền và tương đương tiền	17.9	21.3	-15.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	20.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	379	399	-5.0%
Hàng tồn kho	21.6	27.9	-22.6%
Tài sản ngắn hạn khác	85.0	0.92	9171%
Tài sản dài hạn	**544**	**584**	**-6.9%**
Phải thu dài hạn	0.34	31.4	-98.9%
Tài sản cố định	169	172	-1.4%
Bất động sản đầu tư	289	295	-2.0%
Tài sản dở dang	5.93	5.93	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	67.3	67.3	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**12.4**	**13.3**	**-7.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	293	305	-3.7%
Nợ ngắn hạn	**144**	**161**	**-10.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	116	115	0.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	15.6	31.6	-50.6%
Nợ dài hạn	150	144	4.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	90.8	96.3	-5.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**754**	**749**	**0.7%**
Vốn chủ sở hữu	**754**	**749**	**0.7%**
Vốn điều lệ	708	708	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	126	162	80.1	232	205
Giá vốn hàng bán	112	152	69.7	210	188
Lợi nhuận gộp	14.1	9.58	10.4	21.8	17.1
Doanh thu HĐTC	0.01	0.89	0.54	0.60	0.09
Chi phí TC	6.15	6.31	5.91	5.32	5.89
Chi phí lãi vay	6.15	6.01	5.91	0	5.05
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.72	0.52	0.97	1.95	1.54
Chi phí QLDN	3.20	3.17	2.78	3.04	2.65
LN thuần từ HĐKD	2.08	0.47	1.29	12.1	7.16
Lợi nhuận khác	-0.20	-0.48	-0.47	0.05	-0.62
LN trước thuế	1.88	-0.01	0.82	12.2	6.54
Lợi nhuận sau thuế	1.47	-0.15	0.65	9.75	5.11
LNST của CĐ cty mẹ	1.47	-0.15	0.65	9.75	5.11

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	41.6	-32.7	169	57.4	77.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	8.17	-114	-20.0	-64.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-40.9	18.2	-61.2	-20.5	-15.5
Tiền đầu kỳ	15.8	16.6	10.2	4.33	21.3
Lưu chuyển tiền thuần	**0.74**	**-6.34**	**-6.25**	**16.9**	**-3.38**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.06	0	0	0
Tiền cuối kỳ	16.6	10.2	3.90	21.3	17.9

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic